

Bản án số: 17/2020/HNGĐ - ST
Ngày 18-8-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Đoàn.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn P, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Chu Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Văn P trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 17-10-2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được khoảng ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; bên cạnh đó còn do nguyên nhân vợ chồng không tìm được tiếng nói chung

mà hay đổ lỗi cho nhau trong việc không có khả năng sinh con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh, cãi chửi nhau. Từ tháng 8-2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn Đ, xã V, huyện K sinh sống, anh chị li thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn P.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Chu Văn P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Chu Thị H đúng như chị H đã trình bày. Anh P xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Từ tháng 8-2019 chị H tự ý trở về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn Đ, xã V, huyện K sinh sống, anh chị sống li thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H không còn, vì vậy anh nhất trí ly hôn chị H.

Về con chung: Chị H và anh P thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị H và anh P thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh P thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị H và anh P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị H và anh Chu Văn P. Về án phí: Chị H và anh P mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí, hoàn trả lại cho chị H 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Chu Văn P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị H và anh Chu Văn P là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 17-10-2018 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi, chửi nhau. Từ tháng 8-2019 anh chị sống li thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị H và anh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh P thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh P là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh P không có con chung nên anh chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị H và anh P cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H và anh P thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị H và anh Chu Văn P.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm:

- Chị Chu Thị H phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004127 ngày 02-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. (Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000 đồng.

- Anh Chu Văn P phải chịu 150.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

